TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 707/2018/DS-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Ngọc Tiến.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai, thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái - Phường 14 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 367/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/2018/QĐHPT-ST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Văn Việt T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: chung cư Lê Hồng Phong, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2012, của ông Văn Việt T. Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng cho ông T, để tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Sau khi được cấp thẻ ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.747.557 đồng.

Ông T đã thanh toán được số tiền là 59.407.978 đồng. Ngân hàng S đã nhiều lần làm việc, nhắc nợ, nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 11/9/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông T còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 30/11/2018, ông T còn nợ Ngân hàng S là 15.498.529 đồng (bao gồm: 8.279.818 đồng nợ gốc và 7.218.711 đồng nợ lãi quá hạn). Ngân hàng S yêu cầu Tòa xét xử buộc ông T phải thanh toán dứt điểm số nợ tính đến ngày 30/11/2018 là 15.498.529 đồng và ông T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi xuất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Văn Việt T không tới Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S) cho ông Văn Việt T mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10. Theo qui định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có giấy ủy quyền cho ông Trần Đức T đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông Trần Đức T; tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn- ông Văn Việt T, sinh năm 1985, có địa chỉ thường trú tại chung cư Lê Hồng Phong, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2012, của ông Văn Việt T. Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng cho ông T, để tiêu dùng cá nhân. mức lãi là 2,05%/tháng, mức lãi từ ngày 06/7/2011 điều chỉnh là 2,15%/tháng, mức phí là 100.000 đồng/thẻ phát hành nhanh, từ ngày 05/7/2011 mức phí là 300.000 đồng/thẻ phát hành nhanh qua ngày (thẻ được phát hành sau ngày nộp hồ sơ 01 ngày) và 500.000 đồng/thẻ phát hành nhanh trong ngày(thẻ được phát hành ngay trong ngày nộp hồ sơ). Mức lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Sau khi được cấp thẻ ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.747.557 đồng. Ông T đã thanh toán

được số tiền là 59.407.978 đồng. Ngân hàng S đã nhiều lần làm việc, nhắc nợ, nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 11/9/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông T còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 30/11/2018, ông T còn nợ Ngân hàng S là 15.498.529 đồng (bao gồm: 8.279.818 đồng nợ gốc và 7.218.711 đồng nợ lãi quá hạn). Ngân hàng S yêu cầu Tòa xét xử buộc ông T phải thanh toán dứt điểm số nợ tính đến ngày 30/11/2018 là 15.498.529 đồng và ông T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng S yêu cầu tòa án xét xử, buộc ông Văn Việt T phải thanh toán ngay, dứt điểm số nợ tính đến ngày 30/11/2018 là 15.498.529 đồng và ông T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Văn Việt T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Văn Việt T phải thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 30/11/2018 là 15.498.529 (mười lăm triệu, bốn trăm chín tám

nghìn, năm trăm hai mươi chín) đồng và ông T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 774.926 (bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng, ông Văn Việt T chịu.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 538.902 đồng cho Ngân hàng TMCP S, theo biên lai thu số 0040455 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn